

## MỘT SỐ VẤN ĐỀ CUNG CẤP TÍN DỤNG CHO KINH TẾ HỘ VÙNG CAO

HÀ HUY THÀNH

### 1. Thực trạng kinh tế hộ gia đình vùng cao

Để có cơ sở khoa học cho việc hoạch định các chính sách, các biện pháp và cách thức cung cấp tín dụng thích hợp cho phát triển kinh tế hộ gia đình đồng bào các dân tộc vùng cao thì việc phân tích đầy đủ và tỷ mỉ thực trạng kinh tế của hộ là rất quan trọng.

Trước hết, chúng ta xem xét cơ cấu sản xuất và cơ cấu kinh tế của hộ gia đình.

Như chúng ta biết, dân cư các dân tộc ít người sống ở vùng cao nước ta trước kia cũng như hiện nay chủ yếu là những cư dân nông nghiệp.

Cơ cấu sản xuất chủ yếu của họ là sản xuất lương thực, chăn nuôi, trồng và khai thác lâm sản. Trong những năm gần đây, sản xuất lương thực (bao gồm cả rau màu) có xu hướng tăng lên cả về diện tích, năng suất, sản lượng. Tuy nhiên, cho đến nay, mức đảm bảo lương thực bình quân đầu người ở miền núi vẫn ở mức thấp(1).

Về chăn nuôi khu vực miền núi, đặc biệt là vùng Tây Nguyên cũng có tốc độ phát triển nhanh hơn so với bình quân chung cả nước(2).

Vùng miền núi có thế mạnh đặc biệt so với các vùng đồng bằng và vùng biển là khả năng khai thác các loại cây công nghiệp, đặc biệt là cây công nghiệp dài ngày và các loại lâm sản. Tại nhiều tỉnh miền núi đã hình thành các vùng sản xuất chuyên canh, tập trung quy mô lớn các loại cây công nghiệp như vùng chè ở Lâm Đồng, Bắc Thái, Yên Bái, Hà Giang, vùng chuyên canh cà phê ở Đắk Lắk, Lâm Đồng, Gia Lai, vùng cao su Đắk Lắk, vùng dâu tằm Lâm Đồng, Sơn La v.v... Phong trào trồng rừng phủ xanh đất trống đồi núi trọc trong những năm qua cũng có bước phát triển khá mạnh mẽ. Đặc biệt đã xuất hiện những vùng trồng cây công nghiệp đặc sản như quế, hồi, cọ, hoặc vùng trồng xen cây lấy gỗ với cây dược liệu (sa nhân, ba kích, thảo quả...).

Với sự phát triển của cơ cấu sản xuất lương thực chăn nuôi, trồng rừng và cây công nghiệp như đã trình bày, nền kinh tế vùng cao của các dân tộc ít người ở nước ta đã bắt đầu có bước chuyển biến khá tích cực từ thuần nông độc canh cây lương thực, tự cung tự cấp là chủ yếu, sang mô hình sản xuất đa dạng theo hướng sản xuất hàng hoá, từng bước phát huy được lợi thế so sánh của vùng cao.

Sự chuyển biến là rất đáng được xem xét khi xác định chính sách cung cấp tín dụng cho vùng cao nhằm phát huy được lợi thế so sánh của từng vùng. Cùng với sự phát triển tương đối khá tình hình kinh tế xã hội chung của cả nước, đời sống của đồng bào các dân tộc ở vùng cao cũng được cải thiện và nâng cao từng bước, mặc dù nhìn chung khu vực miền núi, vùng cao vẫn là khu vực nghèo, khó khăn và chậm phát triển hơn so với cả nước.

Từ khi thực hiện Nghị quyết X của Bộ Chính trị và các chính sách khác của Chính phủ, hộ gia đình được giao đất, giao rừng ổn định lâu dài, được thừa nhận là đơn vị kinh tế tự chủ, nhiều hộ gia đình nông dân bà con các dân tộc vùng cao đã khai thác được lợi thế so sánh vốn có của đất đai, tài nguyên rừng và nhân lực vươn lên thành hộ làm ăn khá giả, nhiều hộ nghèo đói đã giảm được mức nghèo, giảm được nạn đói.

Theo kết quả điều tra của nhiều đề tài khoa học và báo cáo của địa phương thì nhóm hộ khá giả (thu nhập bình quân trên 100.000 đ/người/tháng) ở vùng miền núi phía Bắc, miền Trung và Tây Nguyên chiếm khoảng từ 7 đến 10%. Tuy nhiên trong số hộ khá giả này, tỷ lệ các dân tộc ít người cũng có sự chênh lệch: ở người Bana chỉ có 0,8%, ở người Thái từ 8-10%, người Ê-đê lên đến 21,5% trong khi ở một số dân tộc khác như người Giáy chưa xuất hiện những hộ làm ăn khá giả. Cần nhấn mạnh một vấn đề là đại bộ phận những hộ có mức sống khá giả này tập trung ở thị trấn, gần đường giao thông thuộc vùng cao nguyên, vùng núi thấp có nhiều điều kiện, kinh nghiệm hơn trong sản xuất kinh doanh.

Nhóm hộ có mức sống trung bình (bình quân thu nhập từ 40.000 đến xấp xỉ 100.000 đ/người/tháng) là nhóm hộ chiếm số đông trong các nhóm đồng bào dân tộc vùng cao. Nhóm hộ loại này có nguồn nhân lực dồi dào, khá nhạy bén với cái mới và nếu được hỗ trợ tốt họ có thể vươn lên làm ăn khá giả hơn. Đây là đối tượng được khuyến khích (cho vay vốn, hướng dẫn kỹ thuật, giúp kinh nghiệm) để họ có thể phát triển sản xuất, kinh doanh sớm vươn lên thành hộ làm ăn khá giả.

Nhóm hộ nghèo đói (có mức thu nhập bình quân dưới 30.000đ/người/tháng) hiện vẫn chiếm tỷ lệ khá lớn trong dân cư các dân tộc ít người vùng cao. Theo số liệu điều tra của chúng tôi trong những năm gần đây, số hộ thuộc diện nghèo đói ở dân tộc Khơ mú, Gia-rai khoảng 50% tổng số hộ điều tra, ở các dân tộc khác số liệu tương ứng là Ê-đê 43,5%, người Giáy cao nhất, khoảng 56%. Các con số này cũng chênh lệch nhau giữa các vùng lãnh thổ. Ở các vùng xa, vùng sâu, biên giới nơi chưa có đường giao thông thuận tiện, điều kiện tự nhiên và xã hội khó khăn, tỷ lệ nghèo đói là tương đối cao. Khi phân tích nguyên nhân của sự nghèo đói nói chung, các nhà nghiên cứu cũng như các nhà quản lý, các nhà hoạch định chính sách đã nêu lên nhiều nguyên nhân như: điều kiện tự nhiên, điều kiện kinh tế, tri thức sản xuất kinh doanh, tri thức thị trường v.v...

Đối với đồng bào các dân tộc ít người vùng cao, theo cảm nhận của chúng tôi khi điều tra thực tế thì yếu tố tri thức là yếu tố nổi trội. "Tri thức" ở đây được hiểu là trình

độ học vấn, là sự hiểu biết về kinh doanh, sản xuất. Đại đa số những hộ làm ăn khá giả đều là những hộ mà chủ hộ còn trẻ (độ tuổi 30-40), có trình độ văn hoá cấp II trở lên. Không có một chủ hộ nào mù chữ mà làm ăn khá giả.

Theo chúng tôi, đây là một yếu tố cần được cân nhắc xem xét khi đề xuất chính sách cho vay vốn sản xuất đối với hộ đồng bào các dân tộc vùng cao.

## 2. Thực trạng cung cấp tín dụng cho hộ gia đình hiện nay

Trước khi nêu được một vài suy nghĩ về việc cung cấp tín dụng cho kinh tế hộ vùng cao, chúng tôi muốn điểm qua một vài nét tổng quan về thực trạng cung cấp tín dụng cho hộ gia đình (chủ yếu là hộ nông dân) hiện nay.

Như chúng ta biết, hiện nay tín dụng cung cấp cho hộ nông thôn hình thành 3 nguồn chính:

### - Nguồn từ các tổ chức tín dụng chính thức

Ngân hàng nông nghiệp, ngân hàng người nghèo, và ngân hàng cổ phần nông thôn và các chương trình phát triển nông thôn có cung cấp tín dụng cho hộ nông dân như chương trình 327, chương trình tạo việc làm và xoá đói giảm nghèo (chương trình 120). Thuộc hình thức này còn có nguồn hỗ trợ phát triển của các tổ chức quốc tế như Ngân hàng thế giới (WB), Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB), UNDP, chương trình lương thực thế giới (WFP), tổ chức FAO, Quỹ phát triển nông nghiệp quốc tế (IFAP), EU và một loạt dự án của các nước hỗ trợ phát triển cho Việt Nam.

### - Các tín dụng có tổ chức

Bao gồm hệ thống quỹ tín dụng nhân dân (từ 1997) và một số tổ chức tiết kiệm cho vay của các đoàn thể xã hội và tổ chức phi chính phủ nước ngoài.

### - Tín dụng phi chính phủ

Là các dạng cho vay có lãi hoặc không có lãi, các tổ chức hùn vốn cho vay luân phiên, được thành lập bởi các nhóm dân cư khác nhau. Các tổ chức này là phi chính thức và không chịu sự điều chỉnh của pháp luật và tổ chức nhà nước.

Trong những năm từ 1990 đến 1994, số vốn cho các nông hộ vay của 2 hình thức (1 và 2) đạt con số khá lớn:

TT	Nguồn	1990	1992	1993	1994
1	NHNN Việt Nam	62,9	1431	3832	5766
2	HTX tín dụng	-	-	-	14,6
3	Quỹ tín dụng nhân dân	-	-	-72,5	
4	NH cổ phần nông thôn	-	-	-40,7	
5	Chương trình 327	-	-	80	141
6	Chương trình 120	-	36	354	368
7	Tín dụng nước ngoài	607	95,7	108,9	891
	<b>Cộng:</b>	<b>669,9</b>	<b>1562,7</b>	<b>4374,9</b>	<b>7293,5</b>

Nguồn: Tạp chí Nghiên cứu kinh tế, tháng 8/1996, tr.10.

Lượng vốn mà các loại tín dụng đáp ứng được khoảng 20% nhu cầu vốn vay ngắn hạn của hộ nông dân(3).

Các nguồn vốn tín dụng vừa nêu được cho hộ vay dưới 3 hình thức chủ yếu:

- Trực tiếp, có thế chấp. Hình thức này áp dụng cho các khoản vay lớn. Đối với hình thức này, chỉ có các hộ khá giả mới tiếp cận được, vì chỉ họ mới có nhu cầu vay lớn và có khả năng thế chấp và thanh toán.

- Trực tiếp với bảo lãnh (tín chấp) của chính quyền địa phương và các tổ chức xã hội. Đối với hình thức này, số lượng cho vay nhỏ và ngắn hạn và chỉ dành cho các hộ loại trung bình không có tài sản thế chấp, nhưng có khả năng thanh toán nếu biết sản xuất kinh doanh.

- Gián tiếp (thông qua các doanh nghiệp nhà nước (DNNN), HTX, các tổ chức quần chúng khác). Đây là hình thức cho vay theo dự án mà chủ là các DNNN, HTX hay các Hội đoàn thể như phụ nữ, thanh niên, Hội nông dân v.v... làm chủ. Sau đó các chủ dự án này đứng ra cho các hộ nghèo (là chủ yếu) vay và giúp đỡ hướng dẫn các hộ vay tổ chức sản xuất, kinh doanh theo dự án.

Cần khẳng định rằng, nhờ có các hoạt động tín dụng như vừa nêu mà sản xuất nông nghiệp ổn định và phát triển, nhiều hộ nông dân khá giả đã mở rộng được sản xuất kinh doanh tăng thu nhập và nâng cao được mức sống, nhiều hộ nghèo đói đã từng bước xoá được đói, giảm được nghèo, cải thiện một bước bộ mặt nông thôn kể cả nông thôn vùng cao.

Tuy nhiên, cũng cần thấy một số nhược điểm trong hoạt động tín dụng hiện nay.

Trước hết, lượng cung về vốn còn thấp so với nhu cầu. Thứ hai, các tổ chức tín dụng thiếu sự phối hợp với nhau dẫn đến hoạt động chồng chéo. Thứ ba, đại bộ phận các tổ chức cung cấp tín dụng chỉ tập trung vào hoạt động cho vay và thu nợ, ít khi hướng dẫn, giúp đỡ người vay tổ chức sản xuất kinh doanh sao cho có hiệu quả để có thể vừa thu nợ vừa nâng cao đời sống cho người vay. Điều thứ ba này là đặc biệt quan trọng đối với các đối tượng là đồng bào các dân tộc ít người vùng cao.

### **3. Một số kiến nghị trong việc cung cấp tín dụng cho hộ đồng bào các dân tộc vùng cao**

Từ những điều trình bày trên đây, trong phần này chúng tôi xin nêu ra một số suy nghĩ về cung cấp tín dụng cho hộ nông dân đồng bào các dân tộc vùng cao.

Hoạt động kinh tế của đồng bào các dân tộc nơi đây chủ yếu gắn với rừng và đất rừng. Họ là lực lượng chủ yếu có thể bảo vệ rừng, khoanh nuôi và tái sinh rừng. Vì thế các chính sách kinh tế - xã hội của nhà nước đối với vùng cao trước hết phải hướng vào mục tiêu làm sao cho bà con các dân tộc ở đây có điều kiện để biến công việc bảo vệ, khoanh nuôi tái sinh, khai thác rừng đất rừng, đất chưa sử dụng trở thành ngành nghề chính, nguồn thu nhập chính, ổn định của họ.

Điều này không có gì mới, nó đã được đề cập đến ở rất nhiều diễn đàn khác nhau. Sự nhấn mạnh vấn đề trong hoàn cảnh mới, khi Quốc hội và Chính phủ đã có chương trình quốc gia trồng mới 5 triệu ha rừng trong thời kỳ từ nay đến năm 2010, chỉ là nhắc lại một lần nữa ý nghĩa quan trọng của việc sử dụng tốt nhất những lợi thế so sánh của vùng miền núi, vùng cao mà thôi.

Như đã nói ở trên, trong những năm gần đây, do biết lợi dụng thế mạnh của vùng miền núi, nhờ có chính sách khuyến khích hỗ trợ đúng đắn của nhà nước, tại nhiều tỉnh vùng cao đã hình thành mô hình sản xuất cây lấy gỗ, trồng xen cây ăn quả lâu năm với các cây công nghiệp ngắn ngày, vùng trồng xen cây lấy gỗ với cây dược liệu (như sa nhân, thảo quả, ba kích), vùng trồng cây đặc sản như hồi, quế, hoặc các vùng cây công nghiệp như chè, cà phê, cao su v.v...

Các chính sách cung cấp tín dụng cho hộ vùng cao phải nhằm mục đích tạo ra ngày càng nhiều các vùng chuyên canh mang tính chất sản xuất hàng hoá như vậy.

Tuy nhiên, việc tổ chức sản xuất kinh doanh rừng và đất rừng theo hướng chuyên doanh, tập trung như trên cần được sự đầu tư tập trung vốn và chỉ có những hộ nông dân khá giả có năng lực tổ chức sản xuất kinh doanh có hiệu quả như năng lực về tri thức, về lao động, về thị trường v.v... mới có thể thực hiện được mục đích đặt ra. Các hộ nghèo khó thực hiện chuyển hướng tổ chức sản xuất kinh doanh kiểu này. Vì vậy, theo chúng tôi, cần có sự phân biệt việc cung cấp tín dụng cho hộ phát triển sản xuất hàng hoá và cho hộ phải xoá đói nghèo.

Đối với loại hộ thứ nhất, cần cho vay quy mô lớn, dài hạn để họ có thể nhận bảo vệ, khoanh nuôi, tái sinh và trồng mới rừng, khai thác đất rừng trên qui mô lớn, kiểu trang trại. Những hộ trang trại này sẽ là đơn vị sản xuất hàng hoá quy mô lớn, vừa có khả năng cung cấp hàng hoá cho xã hội vừa có khả năng tạo công việc làm tạo thu nhập cho những hộ khác không có điều kiện mở rộng sản xuất, kinh doanh.

Đối với những hộ nghèo, việc cung cấp tín dụng cho họ là cần thiết, song đó không chỉ là vấn đề kinh tế đơn thuần mà nó còn có ý nghĩa chính trị, xã hội quan trọng trong sự phát triển tổng thể của quốc gia.

Những người nghèo, hộ nghèo, thường không có đủ năng lực (tri thức, kinh nghiệm) tổ chức sản xuất kinh doanh có hiệu quả, trong khi đó vay tín dụng không phải là một hình thức cứu tế, vốn vay phải được hoàn trả.

Cung cấp tín dụng cho hộ nghèo, theo chúng tôi, không nên đặt mục đích phát triển lên hàng đầu mà phải đặt các mục tiêu chính trị, ổn định xã hội làm trọng tâm. Có thể xem đó là một loại chi phí quốc gia nhằm đảm bảo ổn định xã hội. Mặt khác, để giúp các hộ nghèo sử dụng nguồn vốn vay có hiệu quả nên chẳng cần có một số khâu công việc như: đề xuất phương án sản xuất kinh doanh, hướng dẫn kỹ thuật, kiến thức sản xuất kinh doanh cho hộ nghèo trước khi cấp vốn cho họ. Ở đây vốn là quan trọng nhưng phải được cung cấp sau cùng.

— Điều vừa nói không chỉ là kinh nghiệm của các nước đang phát triển trong khu vực mà đã là kinh nghiệm thực tế ở một số địa phương vùng cao nước ta trong các dự án hỗ trợ người nghèo của các tổ chức phi chính phủ như Hội chữ thập đỏ Đan Mạch trong dự án trồng rừng ngập mặn ven biển Thái Bình, hay trong dự án chăm sóc sức khoẻ ban đầu ở Lào Cai v.v...

Về lãi xuất tiền vay đối với tín dụng cho những hộ nghèo vùng cao, theo chúng tôi, các cơ quan cung cấp tín dụng nên nghiên cứu đưa ra một lãi suất ưu đãi thấp hơn, so với mức lãi suất cho vay đối với hộ nông dân các vùng khác và áp dụng mức lãi suất thay đổi theo tình hình thị trường và các loại sản phẩm mà các hộ đó sản xuất ra(4).

Một yếu tố rất quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả của việc cho vay tín dụng đối với hộ nông dân vùng cao là Nhà nước phải tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng điện, đường giao thông, nguồn nước sản xuất và sinh hoạt và tạo lập thị trường ổn định cho một số loại sản phẩm có tỷ suất hàng hoá cao.

Cùng với sự nỗ lực của bản thân hộ nông dân, những điều kiện hạ tầng cơ sở này sẽ tạo điều kiện cho họ tiếp cận tốt hơn với sản xuất hàng hoá, với kinh tế thị trường - con đường dẫn các dân tộc vùng cao đi đến phát triển trong sự phát triển chung của nước.

### **Chú thích**

1. Năm 1993 mức lương thực bình quân đầu người ở vùng miền núi phía Bắc là 231 kg, ở Tây Nguyên là 230 kg, trong khi bình quân cả nước là 346 kg, đồng bằng sông Hồng: 370 kg, đồng bằng sông Cửu Long là 696 kg.
2. Trong những năm 1990-1995 đàn trâu cả nước tăng bình quân 1,5%, đàn bò tăng 4,0%, đàn lợn tăng 2,7% ở khu vực miền núi số liệu tương ứng là 2,6%, 6,1% và 3,7%.
3. Theo tính toán mỗi hộ cần vay khoảng 2-3 triệu đồng vốn ngắn hạn (1 vụ) với 10 triệu hộ vay, cần khoảng 40-60 nghìn tỷ đồng/năm.
4. Chẳng hạn, nếu giá cả thị trường của loại sản phẩm mà các hộ vay vốn sản xuất ra cao hơn giá thành sản xuất, thì giữ mức lãi suất (ưu đãi và thấp), nếu giá cả thị trường bằng giá thành sản xuất, thì cần giảm chẳng hạn là 1/2 mức lãi suất ban đầu, trong trường hợp giá cả thấp hơn giá thành thì không thu tiền lãi. Tuy nhiên đây là vấn đề phức tạp nhưng nếu làm được sẽ giúp các hộ nghèo nhiều hơn trong đời sống.